

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
TỔ: NGŨ VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGŨ VĂN LỚP 12
CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (4.0 điểm)

1. Nhận diện các phong cách ngôn ngữ

STT	Phong cách ngôn ngữ	Đặc điểm nhận diện
1	Phong cách ngôn ngữ khoa học	Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu
2	Phong cách ngôn ngữ báo chí	Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự.
3	Phong cách ngôn ngữ chính luận	Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội
4	Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật	-Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện, hàm súc
5	Phong cách ngôn ngữ hành chính	-Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực điều hành và quản lí xã hội như đơn, biên bản, hợp đồng...
6	Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt	- Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt...trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân như hội thoại, thư, nhật kí...

2. Các phương thức biểu đạt

Phương thức	Đặc điểm nhận diện	Thể loại
Tự sự	Trình bày, kể lại các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết quả. (diễn biến sự việc)	- Bản tin báo chí. Bản tường thuật, tường trình. Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết...)
Miêu tả	Tái hiện các tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng.	- Văn tả cảnh, tả người, vật... - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự. Thơ
Biểu cảm	Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người trước những vấn đề tự nhiên, xã hội, sự vật...	- Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút...
Thuyết minh	Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để người đọc có tri thức và có thái độ đúng đắn với chúng.	- Thuyết minh sản phẩm - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.
Nghị luận	Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận, trình bày tư tưởng, chủ trương quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục.	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Sách lí luận. Bàn luận về một vấn đề trính trị, xã hội, văn hóa.
Hành chính – công vụ	- Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lí các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lí.	- Đơn từ - Báo cáo - Đề nghị

3. Các thao tác lập luận

TT	Thao tác lập luận	Đặc điểm nhận diện
1	Giải thích	Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình.
2	Phân tích	Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kỹ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng.
3	Chứng minh	Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề.
4	Bác bỏ	Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình.
5	Bình luận	Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng... đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại...; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng.
6	So sánh	So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật.

4. Các biện pháp tu từ

	Biện pháp tu từ	Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)
1	So sánh	Giúp (hình ảnh, sự vật, sự việc) được miêu tả sinh động, cụ thể, <u>nổi bật</u>, nhấn mạnh tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc. Lời văn/thơ giàu hình ảnh, tăng tính biểu cảm, sinh động Từ ngữ nhận diện: Tựa, như, bằng, là, bao nhiêu -bấy nhiêu... <i>VD: Biện pháp nghệ thuật là so sánh “em đẹp như hoa”</i> <i>Tác dụng: Làm nổi bật vẻ đẹp của em và làm cho câu văn thêm sinh động rõ nghĩa, giàu hình ảnh, tăng tính biểu cảm.</i>
2	Ẩn dụ	Làm nổi bật, nhấn mạnh ý nghĩa hình ảnh

	(Nhân hóa, Vật hóa, Cảm giác)	Làm cho lời văn giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, gợi hình gợi cảm Vd: <i>TĐ ngồi nhớ TĐ (Hoán dụ)</i> <i>Cau thôn Đoài <u>nhớ</u> giàu không thôn nào? (Ẩn dụ)</i> - <i>Em chỉ còn bão tố</i> - Ẩn dụ - <i>Tiếng rơi mỏng; tiếng em chưa quá</i> - AD
3	Nhân hóa	Làm cho hình ảnh ...hiện ra nổi bật, sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người. Làm cho lời văn giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, gợi hình gợi cảm
4	Hoán dụ	Diễn tả nổi bật, sinh động nội dung và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc về ... Làm cho lời văn giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, gợi hình gợi cảm VD: <i>Tóc dài thương tóc ngắn</i>
5	Điệp từ/ngữ/câu trúc	-Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng về.... – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.
6	Nói giảm	Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng...tạo sắc thái biểu cảm cho câu
7	Thậm xưng Phóng đại Nói quá Ngoa dụ	Tô đậm, phóng đại làm nổi bật về ... tạo sắc thái biểu cảm ấn tượng cho câu thơ/ văn
8	Chêm xen	- Làm rõ, giải thích cụ thể và nổi bật hình ảnh... - Làm cho câu giàu ý nghĩa, cụ thể, ấn tượng VD: TPHCM- <i>TP thân yêu của tôi</i> /đang phải gồng mình chống dịch
9	Đảo ngữ	Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về... (phần được đảo) Câu văn/thơ giàu biểu cảm, sinh động
10	Đôi	- Nhấn mạnh, làm nổi bật gây ấn tượng sâu đậm về... -Tạo sự cân đối, đối xứng hài hòa và bổ sung ý nghĩa cho nhau

11	Im lặng	-Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc, tâm trạng - Tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ. Dấu hiệu: dấu ...(#liệt kê) Vd: Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...
12	Liệt kê	-Diễn tả cụ thể, toàn diện nhiều mặt.... -Làm cho lời văn giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, gợi hình gợi cảm
13	Câu cảm thán!	-Bộc lộ tâm trạng, cảm xúc... -Làm cho lời thơ/văn giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, giàu cảm xúc
14	Câu hỏi tu từ?	-Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc, suy nghĩ (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định...) -Làm cho lời thơ/văn giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, giàu cảm xúc

5. Phân biệt các thể thơ

- Các thể thơ dân tộc: lục bát, song thất lục bát, hát nói; các thể thơ Đường luật: ngũ ngôn, thất ngôn;
- Các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi...

6. Xác định nội dung chính của văn bản

- Là xác định đặc điểm, tính chất, giá trị/ vai trò, ý nghĩa, tác hại, nguyên nhân, giải pháp...của vấn đề nêu ra trong văn bản
- Muốn xác định được nội dung của văn bản, học sinh căn cứ vào tiêu đề của vb, những hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần. Đây có thể là những từ khóa chứa đựng nội dung chính của văn bản.
- Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành... để xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn.

7. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản.

Phần này trong đề thi thường hỏi anh/ chị hãy chỉ ra một từ ngữ, một hình ảnh, một câu nào đó có sẵn trong văn bản. Phải đọc kĩ tìm và nêu đầy đủ cả từ ngữ vào bài làm.

8. Dạng câu hỏi lựa chọn: đúng/sai, chọn/rút thông điệp:

- Phần lựa chọn phải nêu *đầy đủ*, rõ ràng, trích dẫn phải đầy đủ, chính xác. Thông điệp rõ ý nghĩa.
- Sau đó phải lí giải tại sao lại lựa chọn (giải thích ngắn gọn đủ 2 ý gồm nêu ra điều gì và có ý nghĩa gì)

9. Giải thích ý nghĩa từ ngữ, câu văn: Trả lời 2 ý gồm nêu nội dung và ý nghĩa.

10. Nêu ý nghĩa câu thơ, đoạn thơ trong văn bản

11. Đánh giá, nhận xét về tình cảm, thái độ của người viết văn bản

12. Nêu bài học, vận dụng, liên hệ với thực tiễn.

....

PHẦN II. PHẦN VIẾT NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (6.0 điểm)

1. Kiểu bài: Phân tích/ cảm nhận hình tượng nhân vật, giá trị nội dung, nghệ thuật trong một đoạn trích văn xuôi hoặc 1 đoạn kịch

2. Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Yêu cầu về nội dung:

+ Xác định được đặc điểm hình tượng nhân vật và phân tích, đánh giá được nội dung đoạn văn bản

+ Phân tích đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, nghệ thuật kể chuyện, tình huống, kết cấu...

- Yêu cầu về kỹ năng:

+ Lập luận chặt chẽ, thể hiện được suy nghĩ, cảm nhận của người viết

+ Có dẫn chứng xác đáng từ văn bản

+ Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dùng từ, đặt câu chính xác

+ Bài viết chia nhiều đoạn, mỗi đoạn có luận điểm rõ ràng

3. Bố cục bài viết gồm 3 phần

a. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu khái quát về nội dung chủ đề, nghệ thuật của tác phẩm và phạm vi cần bàn luận.

b. Thân bài

b1: Nêu hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ...

b2: Phân tích đánh giá nhân vật, nội dung văn bản:

- Bằng cách phân tích diễn biến tâm lí, đặc điểm của hình tượng nhân vật, sự việc...
- Phân tích các nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn văn bản.
- Nêu được suy nghĩ cảm nhận của bản thân.
- Trong quá trình phân tích cần phải mở rộng liên hệ, so sánh, đối chiếu tìm điểm giống nhau hoặc khác biệt với những tác phẩm khác để làm nổi bật vấn đề đang phân tích.

b3: Đánh giá chung (Theo yêu cầu của đề)

- Đánh giá giá trị nội dung chính của đoạn trích
- Đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật
- Đánh giá về tư tưởng, tình cảm hoặc phong cách nghệ thuật của tác giả

c. Kết bài:

- Khẳng định lại những nét đặc sắc chủ đề, nội dung, nghệ thuật, đoạn trích/ tác phẩm
- Bài học bản thân.